TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/DS-ST.
Ngày: 02/3/2020.
V/v:"Tranh chấp nợ hụi".

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký Tòa án N dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất *tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp nợ hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp Thuận Tiến, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Bị đơn: - Bà **Nguyễn Thị Mỹ N**, sinh năm 1974.

- Ông **Trần Nam D**, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: tổ 12, ấp Thuận Hòa, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG.

(Bà T có mặt, bà N và ông D có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/09/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:*

Trước đây vào tháng 7/2017 bà T có mở 01 dây hụi tháng, dây hụi có 31 người tham gia, hình thức chơi hụi: hụi sống các thành viên khác kêu hụi bao nhiêu thì đóng phần còn lại, trung bình mỗi chân đóng 2.500.000 đồng/tháng, hụi chết thì đóng mỗi chân là 3.000.000 đồng/tháng. Do là chỗ quen biết nên vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Nam D có tham gia 02 chân trong dây hụi trên. Bà N và ông D đóng hụi sống đến lần thứ 10 thì hốt cả 02 chân hụi trên với số tiền hốt được là 98.540.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà T đã giao đủ số tiền hụi cho vợ chồng bà N, tuy nhiên từ khi hốt hụi cho đến nay thì vợ chồng bà N, ông D chỉ đóng được 03 lần hụi chết với số tiền là 18.000.000 đồng, số tiền hụi chết còn lại là 84.000.000 đồng thì đến nay vợ chồng bà N và ông D vẫn chưa đóng được. Do vợ chồng bà N không đóng hụi chết nên bà T phải bỏ tiền ra đóng thay cho vợ chồng bà N. Đến ngày 09/01/2019 vợ chồng bà N có trả cho bà T số tiền là 3.420.000 đồng nên các bên đã viết biên nhận với nhau, theo đó bà N và ông D thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi là 80.580.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Nam D phải trả lại cho bà số tiền hụi chết còn nợ là 80.580.000 đồng. Ngoài ra bà T không yêu cầu gì thêm.

** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 07/02/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Nam D trình bày như sau:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Nam D thừa nhận vào năm 2017 có tham gia 01 dây hụi do bà T làm chủ, vợ chồng bà tham gia 02 chân. Đây là dây hụi tháng, mỗi chân hụi là 3.000.000 đồng/tháng (hụi chết). Vợ chồng bà N đóng đến lần thứ 3 thì hốt cả hai chân hụi trên với số tiền hốt được là 98.540.000 đồng.

Từ khi hốt hụi cho đến nay thì vợ chồng bà T chỉ đóng được 13 lần hụi chết cho bà T với số tiền là 78.000.000 đồng. Số tiền hụi chết còn lại 14 lần là 84.000.000 đồng thì vợ chồng bà chưa đóng được. Đến ngày 09/01/2019 dương lịch vợ chồng bà N có trả cho bà T số tiền là 3.420.000 đồng nên các bên đã viết biên nhận với nhau, theo đó bà N thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi là 80.580.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng bà N và ông D phải trả số tiền nợ hụi là 80.580.000 đồng cho bà T thì vợ chồng bà cũng đồng ý trả nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đến khi hết số nợ trên do hoàn cảnh gia đình đang gặp nhiều khó khăn. Trường hợp ông bà có bán được nhà thì sẽ trả cho bà T một lần toàn bộ số nợ trên. Đồng thời do bận công việc, không có thời gian tham dự phiên tòa nên ông bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông bà. Ngoài ra bà N và ông D không trình bày gì thêm.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ là 80.580.000 đồng. Đồng thời buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà N và ông D trả số tiền hụi còn nợ là 80.580.000 đồng. Đồng thời bà N và ông D cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp dân sự về nợ hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án N dân huyện Hòn Đất đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn, phía bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến

hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án cho thấy vào tháng 7/2017 bị đơn có tham gia 02 chân hụi do nguyên đơn làm chủ. Hụi có 31 người tham gia, mỗi chân hụi đóng 3.000.000 đồng/tháng. Bị đơn đóng đến lần thứ 10 thì hốt hai chân hụi trên, số tiền hụi hốt được là 98.540.000 đồng. Sau khi hốt hụi phía bị đơn đóng được 03 lần hụi chết với số tiền là 18.000.000 đồng, còn lại 14 lần hụi chết là 84.000.000 đồng thì chưa đóng được. Đến ngày 09/01/2019 bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 3.420.000 đồng nên các bên viết biên nhận với nhau, theo đó bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hụi là 80.580.000 đồng là đúng sự thật và các bên không có tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn trả số tiền hụi còn nợ là 80.580.000 đồng thì phía bị đơn cũng đồng ý trả số nợ trên cho nguyên đơn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ của phía bị đơn, tại phiên tòa hôm nay không được phía nguyên đơn đồng ý.Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định "…Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành …". Do đó HĐXX không xem xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát N dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Áp dụng khoản 1 Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử**:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Nam D phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hụi là 80.580.000 đồng (Tám mươi triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/.Về án phí DSST: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Trần Nam D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.029.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.014.000 đồng theo biên lai thu số 0009217 ngày 17/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKS N dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn An